

TT Nam Sách, ngày 16 tháng 10 năm 2024

**DỰ THẢO KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP
NĂM HỌC 2024-2025**

- Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

- Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Căn cứ Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo;

- Căn cứ Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Căn cứ Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành kế hoạch năm học 2024-2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Căn cứ Hướng dẫn số 1507/SGDĐT-KHTC ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương về việc miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; quản lý, sử dụng học phí và các khoản thu khác trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Căn cứ Hướng dẫn số 1710/SGDĐT-GDTrH-GDTrX ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương về việc một số lưu ý về tổ chức dạy thêm học thêm từ năm học 2023-2024;

- Căn cứ Hướng dẫn số 1733/SGDĐT-HTC ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương về việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;



- Căn cứ Công văn số 1758/SGDDĐT-VP, ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương về việc triển khai hoạt động đầu năm học và tổ chức Lễ khai giảng năm học 2024-2025;

- Căn cứ Công văn số 721/CV-PGDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Nam Sách về việc triển khai hoạt động đầu năm học và tổ chức Lễ khai giảng năm học 2024-2025;

- Căn cứ Hướng dẫn số 123/HD-BCĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Ban chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT của huyện Nam Sách về việc triển khai thu BHYT học sinh năm học 2024-2025;

- Căn cứ bảng chào phí Bảo hiểm thân thể học sinh, giáo viên – thân nhân năm học 2023 – 2024 của các Công ty Bảo hiểm.

- Căn cứ vào kế hoạch hoạt động của nhà trường năm học 2024-2025.

Trường THCS TT Nam Sách xây dựng dự thảo kế hoạch thu, chi các khoản năm học 2024-2025 do cha mẹ học sinh đóng góp như sau:

I. PHẦN THU THEO QUY ĐỊNH

1. Tiền học phí

1.1. Kế hoạch thu: Mức thu: 85.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng/năm học.

683 học sinh x 85.000đ x 9 tháng = 522.495.000đ

Bằng chữ (Năm trăm hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi năm nghìn đồng chẵn)

1.2. Kế hoạch chi: 522.495.000đ

Bằng chữ (Năm trăm hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi năm nghìn đồng chẵn)

Nộp vào tài khoản tiền gửi học phí của nhà trường tại KBNN số tiền: 522.495.000đ.

Trong đó chi các nội dung:

+ 40% thực hiện cải cách tiền lương.

+ 57% chi chuyên môn, cải tạo, sửa chữa, chi tiền điện, tiền nước...

+ 3% chi công tác quản lý hồ sơ, xuất hóa đơn.

2. Tiền trông xe đạp của học sinh

2.1. Kế hoạch thu: Mức thu: 10.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng/năm học.

Dự kiến thu: 415 học sinh x 10.000 đồng x 9 tháng = 37.350.000 đồng

Bằng chữ (Ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)

2.2. Kế hoạch dự kiến chi

- Nộp thuế 5% thuế TNDN: 37.350.000 đồng x 5% = 1.867.500 đồng

- 5% thuế GTGT: 37.350.000 đồng x 5% = 1.867.500 đồng

*** Số còn lại quy ra 100% để chi cho các nội dung sau:**

+ 80% chi cho người trực tiếp trông giữ xe = 26.892.000 đồng

+ 20% chi cho công tác thu, quản lý, sửa chữa, xây dựng nhà xe = 6.723.000

đồng

Tổng chi: 37.350.000 đồng

Bằng chữ (Ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)

3. Tiền BHYT

3.1. Kế hoạch thu

Mức thu: 4,5% x 2.340.000 x 12 tháng x 70% = 884.520 đồng/học sinh.

Dự kiến thu: 660 học sinh x 884.520 đồng = 583.783.200 đồng

(Năm trăm tám mươi ba triệu bảy trăm tám mươi ba ngàn hai trăm đồng chẵn).

3.2. Kế hoạch dự kiến chi

Nộp về cơ quan BHXH huyện số tiền: 583.783.200 đồng

(Năm trăm tám mươi ba triệu bảy trăm tám mươi ba ngàn hai trăm đồng chẵn).

*** Sử dụng số tiền do cơ quan BHXH trích cho đơn vị để thực hiện chi các nội dung theo quy định như sau:**

- Số tiền hoa hồng BHXH huyện trả cho đơn vị sẽ trả cho người thu; trả cho người hướng dẫn tổ chức thu.

- Số tiền BHXH trích để lại đơn vị để chi cho công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại đơn vị được chi như sau:

+ Chi hỗ trợ cho việc khám sức khỏe định kỳ cho học sinh mức chi theo quy định của cơ quan y tế trực tiếp khám; hỗ trợ chi in thẻ học sinh, ngoài ra chi mua nước uống và các công việc liên quan đến buổi khám sức khỏe như gang tay, khẩu trang, bông, băng, cồn, gạc, bơm tiêm... (theo thực tế).

+ Chi công tác tuyên truyền người báo cáo là 500.000 -1.000.000/lần, người dự là 50.000 đồng/người/lần.

+ Chi cho công tác sơ kết, tổng kết hỗ trợ 50.000 đồng/người/lần dự; ngoài ra chi mua tài liệu + nước uống...phục vụ cho buổi sơ tổng kết (theo giá thực tế tại thời điểm). Ngoài ra chi thường cho các tập thể và cá nhân làm tốt tuyên truyền thu BHYT thường cho mỗi tập thể là 200.000đ, thường cho cá nhân là 100.000đ (thường vào dịp tổng kết công tác BHYT sau mỗi năm học).

+ Mua bông, băng, cồn, gạc, nước súc miệng, các loại thuốc thông thường (mua theo nhu cầu sử dụng và theo giá tại thời điểm).

+ Mua vật tư văn phòng như Xô, Chậu, Sọt đựng rác, chăn, chiếu, gối...(theo giá tại thời điểm).

+ Mua dụng cụ y tế như: Máy đo huyết áp, cặp nhiệt độ, banh, kéo, khay, bơm tiêm, khẩu trang, gang tay...(theo nhu cầu sử dụng và theo giá tại thời điểm).

+ Mua sổ KCB cho CB-GV-NV và học sinh; làm thẻ KCB cho HS (theo giá tại thời điểm).

+ Chi công tác vệ sinh môi trường như: phun diệt côn trùng, diệt cỏ, thuốc khử trùng, nước tẩy rửa..

+ Phô tô các mẫu biểu, mua các loại sổ dùng cho công tác y tế trường học.

II. CÁC KHOẢN THU TỰ NGUYỆN

1. Tiền BHTT (Phụ huynh học sinh tự nguyện tham gia)

1.1. Kế hoạch thu: Mức thu: 200.000 đồng/học sinh/năm; 300.000 đồng/giáo viên/năm.

Dự kiến thu hs: 683 học sinh x 200.000 đồng = 136.600.000 đồng

Dự kiến thu gv: 31 gv x 300.000 đồng = 9.300.000 đồng

Tổng thu: 145.900.000đ

(Một trăm bốn mươi năm triệu chín trăm nghìn đồng chẵn).

1.2. Kế hoạch dự kiến chi

- Nộp phí cho Công ty Bảo hiểm Bảo Long 100% số tiền thu được của cán bộ, giáo viên và học sinh. Công ty Bảo hiểm Bảo Long chi trả quyền lợi cho người tham gia theo tỷ lệ quy định.



Số tiền nộp về BHTT: 145.900.000đ

(Một trăm bốn mươi năm triệu chín trăm nghìn đồng chẵn).

- Sử dụng số tiền do cơ quan BHTT trích cho đơn vị để thực hiện nội dung tuyên truyền.

2. Quỹ Ban đại diện CMHS

Thực hiện theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Do Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp tự vận động các bậc phụ huynh ủng hộ theo tinh thần tự nguyện (Không vận động đến các gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn). Kinh phí vận động được sẽ trích % về quỹ Ban đại diện phụ huynh toàn trường để hoạt động (Do phụ huynh tự thống nhất)

III. CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN

1. Tiền nước uống học sinh

1.1. Kế hoạch thu: Mức thu: 7.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng/năm học.

Dự kiến thu: 683 hs x 7.000 đồng/học sinh x 9 tháng = 43.029.000 đồng

Bằng chữ (Bốn mươi ba triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng chẵn)

1.2. Kế hoạch dự kiến chi

Chi trả bên cung cấp dịch vụ 100% số tiền thu của học sinh là: 43.029.000 đồng

Bằng chữ (Bốn mươi ba triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng chẵn)

2. Tiền kỹ năng sống

2.1. Kế hoạch thu: Mức thu 12.000 đồng/học sinh/tiết.

Nhà trường sẽ thông báo tới phụ huynh học sinh kế hoạch giảng dạy, số tiết cụ thể sau khi có hướng dẫn chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

2.2. Kế hoạch dự kiến chi

Số tiền cụ thể thu được của học sinh tính tại thời điểm có kế hoạch giảng dạy sẽ được chi cho các nội dung sau:

+ Chi 80% chi trả TTGD kỹ năng sống.

+ Chi 15% chi công tác thu, quản lý.

+ Chi 5% chi tăng cường cơ sở vật chất: Chi tiền điện, nước, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị ...

3. Tiền học thêm

3.1. Kế hoạch thu: Mức thu dự kiến: 7.000 đồng/tiết.

- Dự kiến thu đối với học sinh khối 6,7: (Một tuần học 3 buổi, mỗi buổi 3 tiết; tương ứng với số tiết của 1 tuần = 9 tiết).

370 học sinh x 7.000 đồng/tiết x 9 tiết/tuần x 29 tuần = 675.990.000 đồng

- Dự kiến thu đối với học sinh khối 8,9: (Một tuần học 4 buổi, mỗi buổi 3 tiết; tương ứng với số tiết của 1 tuần = 12 tiết).

303 hs x 7.000 đồng/tiết x 12 tiết/tuần x 29 tuần = 738.108.000 đồng

Tổng số tiền dự kiến thu: 1.414.098.000 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm mười bốn triệu không trăm chín mươi tám ngàn đồng)

3.2. Kế hoạch dự kiến chi

- Chi nộp 2% thuế thu nhập trên tổng doanh thu = 28.281.960 đồng

- Số thu còn lại được quy ra 100% để chi cho các nội dung sau:

- + Chi 80% chi giáo viên trực tiếp dạy = 1.108.652.832 đồng
- + Chi 15% chi công tác thu, quản lý = 207.872.406 đồng
- + Chi 5% chi tăng cường cơ sở vật chất (Chi tiền điện, nước, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị) = 69.290.802 đồng

Tổng số tiền dự kiến chi: 1.414.098.000 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm mười bốn triệu không trăm chín mươi tám ngàn đồng)

4.1. Kế hoạch thu: Mức thu: 20.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng/năm học.

Dự kiến thu: 650 hs x 20.000 đồng/học sinh x 9 tháng = 117.000.000 đồng

Bằng chữ (Một trăm mười bảy triệu đồng chẵn)

4.2. Kế hoạch dự kiến chi:

- Chi trả tiền công quét dọn sân trường, nhà xe, công trường, khơi thông cống rãnh, cắt cỏ sau trường...: 6.500.000 đồng/tháng x 9 tháng = 58.500.000 đồng

- Chi trả tiền thuê dọn vệ sinh khu vực nhà vệ sinh của học sinh, tưới cây, cắt tỉa cây, chõ rác:

2.600.000 đồng/tháng x 9 tháng = 23.400.000 đồng

* Nhu cầu sử dụng đồ dùng vệ sinh:

Stt	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nước tẩy rửa Okay	Thùng	10	420.000	4.200.000
2	Nước rửa tay lifebouy	Thùng	3	970.000	2.910.000
3	Chổi cước	chiếc	10	85.000	850.000
4	Chổi cọ toalet	chiếc	30	45.000	1.350.000
5	Thau nhựa	chiếc	5	46.000	230.000
6	Khăn tay	chiếc	50	30.000	1.500.000
7	Rễ cán dài	chiếc	20	120.000	2.400.000
8	Chổi chít	chiếc	30	45.000	1.350.000
9	Chế phẩm xử lý rác	thùng	3	2.300.000	6.900.000
10	Găng tay cao su	đôi	50	19.000	950.000
11	Ứng đi mưa ngắn	đôi	2	120.000	240.000
12	Sáp thơm	hộp	8	65.000	520.000
13	Xịt thơm phòng	chai	6	45.000	270.000
14	Cây lau sàn	bộ	6	135.000	810.000
15	Dây bơm nước	met	270	6.000	1.620.000
16	Bột thông cống	Gói	150	30.000	4.500.000
17	Men xử lý bề phốt	Gói	150	30.000	4.500.000
Cộng					35.100.000

* Tổng chi: 117.000.000 đồng

(Một trăm mười bảy triệu đồng chẵn)

IV. KHOẢN TÀI TRỢ, VIỆN TRỢ

Trong năm học 2024-2025 trường THCS TT Nam Sách không kêu gọi phụ huynh học sinh ủng hộ, tài trợ nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường.

Trên đây là dự thảo kế hoạch thu- chi các khoản đóng góp của cha mẹ học sinh năm học 2024-2025 trường THCS TT Nam Sách, dự thảo kế hoạch này sẽ được thông qua các cuộc họp đầu năm học.

Nơi nhận:

- Bộ phận TC;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Dương Hồng Hạnh